

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5423**/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày **04** tháng **6** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chỉ tiêu hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4) theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh: số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025; số 1645/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 về việc giao bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị, địa phương kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hạ Long: số 13299/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; số 13802/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về việc giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025; số 13730/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về việc điều chỉnh tạm giao chỉ tiêu hợp đồng lao động đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND thành phố Hạ Long; số 1295/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 về việc giao số lượng hợp đồng lao động đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND thành phố Hạ Long năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 2419/UBND-TCKH ngày 28/4/2025 của UBND thành phố về việc báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của đối tượng Hợp đồng 111 trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4) năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 2277/TTr-STC ngày 19/5/2025 của Sở Tài chính Quảng Ninh về việc cấp bổ sung kinh phí, dự toán năm 2025 cho đối tượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 478/PGDDĐT ngày 15/4/2025 và phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 184/TTr-TCKH ngày 04/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chỉ tiêu hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4) năm 2025 tại Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày

28/02/2025 của UBND thành phố, bổ sung dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc Thành phố, số tiền: **28.691.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu đồng).**

Nguồn kinh phí:

- Nguồn chi sự nghiệp Giáo dục ngân sách Thành phố năm 2025 đã thu hồi tại Quyết định số 5422/QĐ-UBND ngày 04/6/2025: 8.157 triệu đồng.
- Ngân sách Tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu: 20.534 triệu đồng.

(Chi tiết kèm theo phụ lục)

Điều 2. Giao Thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí, chi trả đúng đối tượng và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập có tên tại Điều 1; Trưởng phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc nhà nước khu vực III; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như điều 3;
- Lưu VT, TCKH_{PMT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sơn

PHỤ LỤC
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG 111 TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP DO NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG
XUYỀN (NHÓM 4) - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán giáo tại Quyết định số 13802/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố						Tổng nhu cầu thực hiện năm 2025				Kinh phí cấp bổ sung						
		Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiêu HĐND được UBND Thành phố phê duyệt tại		Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiết theo nhu cầu kinh phí					Chi tiết theo nguồn	
						Quyết định 13730/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	Quyết định 1295/QĐ-UBND ngày 28/02/2025					Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán còn được sử dụng	Ngân sách cấp Tỉnh bổ sung có mục tiêu	Ngân sách Thành phố
A	B	1=2+3	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=11-14	16	17
	Tổng số	12.317	9.910	2.407	241	126	476	41.008	32.851	8.157	816	28.691	22.941	5.750	575	28.116	20.534	8.157
I	Khối Mầm non	3.027	2.438	589	59	31	103	8.959	7.157	1.802	180	5.932	4.719	1.213	121	5.811	4.246	1.687
1	1 Mầm non Hồng Gai	-	-	-	-		4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
2	2 Mầm non Hạ Long	1.171	944	227	23	12	15	1.415	1.140	274	27	244	197	47	5	239	175	69
3	3 Mầm non Bạch Đằng	-	-	-	-		4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
4	4 Mầm non Cao Thắng	-	-	-	-		3	244	197	47	5	244	197	47	5	239	175	69
5	5 Mầm non Hồng Hải	-	-	-	-		1	81	66	16	2	81	66	16	2	80	58	23
6	6 Mầm non Hoa Lan	-	-	-	-		2	163	131	32	3	163	131	32	3	159	116	46
7	7 Mầm non 1/6	488	393	95	9	5	6	569	459	110	11	81	66	16	2	80	58	23
8	8 Mầm non Hoa Hồng	195	157	38	4	2	2	195	157	38	4	-	-	-	-	-	-	-
9	9 Mầm non Hà Lâm	98	79	19	2	1	4	341	275	66	7	244	197	47	5	239	175	69
10	10 Mầm non Cao Xanh	98	79	19	2	1	3	260	210	50	5	163	131	32	3	159	116	46
11	11 Mầm non Hà Tu	98	79	19	2	1	3	260	210	50	5	163	131	32	3	159	116	46
12	12 Mầm non Bãi Cháy	-	-	-	-		5	406	328	79	8	406	328	79	8	399	291	116
13	13 Mầm non Hùng Thắng	98	79	19	2	1	3	260	210	50	5	163	131	32	3	159	116	46
14	14 Mầm non Đại Yên	98	79	19	2	1	3	260	210	50	5	163	131	32	3	159	116	46
15	15 Mầm non Tuần Châu	195	157	38	4	2	3	276	223	54	5	81	66	16	2	80	58	23
16	16 Mầm non Giếng Đáy	-	-	-	-		3	244	197	47	5	244	197	47	5	239	175	69
17	17 Mầm non Hà Khẩu	-	-	-	-		4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
19	19 Mầm non Hà Phong	-	-	-	-	3	1	81	66	16	2	81	66	16	2	80	58	23
20	20 Mầm non Hoa Đào	293	236	57	6		3	293	236	57	6	-	-	-	-	-	-	-
21	21 Mầm non Hà Trung	-	-	-	-	1	2	163	131	32	3	163	131	32	3	159	116	46
22	22 Mầm non Trới	98	79	19	2	1	4	341	275	66	7	244	197	47	5	239	175	69

Stt		Đơn vị	Dự toán giáo tại Quyết định số 13802/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố				Tổng nhu cầu thực hiện năm 2025						Kinh phí cấp bổ sung						
			Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiêu HDLD được UBND Thành phố phê duyệt tại		Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiết theo nhu cầu kinh phí					Chi tiết theo nguồn	
							Quyết định 13730/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	Quyết định 1295/QĐ-UBND ngày 28/02/2025					Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán còn được sử dụng	Ngân sách cấp Tỉnh bổ sung có mục tiêu	Ngân sách Thành phố
23	23	Mầm non Thống Nhất	100	79	22	2		4	351	275	76	8	251	197	54	5	245	180	71
25	25	Mầm non Sơn Dương	-	-	-	-		3	251	197	54	5	251	197	54	5	245	180	71
26	26	Mầm non Quảng La - Dân Chủ	-	-	-	-		2	167	131	36	4	167	131	36	4	164	120	48
27	27	Mầm non Bằng Cà	-	-	-	-		2	167	131	36	4	167	131	36	4	164	120	48
28	28	Mầm non Tân Dân	-	-	-	-		3	258	197	61	6	258	197	61	6	252	185	73
29	29	Mầm non Hòa Bình	-	-	-	-		3	251	197	54	5	251	197	54	5	246	180	71
30	30	Mầm non Vũ Oai	-	-	-	-		1	84	66	18	2	84	66	18	2	82	60	24
31	31	Mầm non Đồng Lâm	-	-	-	-	28	4	344	262	82	8	344	262	82	8	336	246	98
33	33	Mầm non Kỳ Thượng	-	-	-	-	5	3	258	197	61	6	258	197	61	6	252	185	73
II		Khối Tiểu học	2.731	2.202	529	53	1	93	8.020	6.463	1.558	156	5.289	4.261	1.028	103	5.186	3.785	1.504
34	1	Tiểu học Hạ Long	98	79	19	2	5	6	504	406	98	10	406	328	79	8	399	291	116
35	2	Tiểu học Trần Hưng Đạo	488	393	95	9	1	8	732	590	142	14	244	197	47	5	239	175	69
36	3	Tiểu học Võ Thị Sáu	98	79	19	2		3	260	210	50	5	163	131	32	3	160	116	46
37	4	Tiểu học Cao Thắng	488	393	95	9		9	813	655	158	16	325	262	63	6	319	233	92
38	5	Tiểu học Hữu Nghị	98	79	19	2		4	341	275	66	7	244	197	47	5	239	175	69
39	6	Tiểu học Lê Hồng Phong	-	-	-	-		4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
40	7	Tiểu học Quang Trung	-	-	-	-	4	3	244	197	47	5	244	197	47	5	239	175	69
41	8	Tiểu học Trần Quốc Toàn	-	-	-	-		3	244	197	47	5	244	197	47	5	239	175	69
42	9	Tiểu học Hà Lâm	-	-	-	-	7	4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
43	10	Tiểu học Cao Xanh	390	315	76	8		6	553	446	107	11	163	131	32	3	159	116	46
44	11	Tiểu học Minh Hà	-	-	-	-	2	4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
45	12	Tiểu học Bãi Cháy	683	551	132	13		9	845	682	164	16	163	131	32	3	159	116	46
46	13	Tiểu học Đại Yên	-	-	-	-	2	4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
47	14	Tiểu học Lý Thường Kiệt	195	157	38	4		5	439	354	85	9	244	197	47	5	239	175	69
48	15	Tiểu học Hà Khẩu	-	-	-	-		6	488	393	95	9	488	393	95	9	478	349	139
49	16	Tiểu học Việt Hưng	195	157	38	4		5	439	354	85	9	244	197	47	5	239	175	69
50	17	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	-	-	-	-		4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
51	18	Tiểu học Trới	-	-	-	-	50	4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
52	19	Tiểu học Lê Lợi	-	-	-	-	2	1	84	66	18	2	84	66	18	2	82	60	24
53	20	Tiểu học Sơn Dương	-	-	-	-	8	1	84	66	18	2	84	66	18	2	82	60	24
III		Khối THCS	4.878	3.933	945	95	2	189	16.196	13.043	3.153	315	11.319	9.111	2.208	221	11.098	8.101	3.218
54	1	THCS Kim Đồng	195	157	38	4	5	11	927	747	180	18	732	590	142	14	717	524	208

Stt		Đơn vị	Dự toán giáo tại Quyết định số 13802/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố				Tổng nhu cầu thực hiện năm 2025						Kinh phí cấp bổ sung						
			Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiêu HDLD được UBND Thành phố phê duyệt tại		Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiết theo nhu cầu kinh phí					Chi tiết theo nguồn	
							Quyết định 13730/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	Quyết định 1295/QĐ-UBND ngày 28/02/2025					Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán còn được sử dụng	Ngân sách cấp Tỉnh bổ sung có mục tiêu	Ngân sách Thành phố
55	2	THCS Lê Văn Tám	780	629	151	15	2	20	1.756	1.416	340	34	976	787	189	19	957	698	277
56	3	THCS Cao Thắng	195	157	38	4	5	13	1.089	878	211	21	894	721	173	17	877	640	254
57	4	THCS Trọng Điểm	488	393	95	9	1	14	1.219	983	236	24	732	590	142	14	717	524	208
58	5	THCS Hồng Hải	195	157	38	4	4	10	845	682	164	16	650	524	126	13	638	465	185
59	6	THCS Trần Quốc Toàn	488	393	95	9	6	13	1.138	918	221	22	650	524	126	13	638	465	185
60	7	THCS Nguyễn Văn Thuộc	98	79	19	2	4	9	748	603	145	14	650	524	126	13	638	465	185
61	8	THCS Cao Xanh	390	315	76	8	1	10	878	708	170	17	488	393	95	9	478	349	139
62	9	THCS Hà Tu	585	472	113	11	3	11	992	800	192	19	406	328	79	8	399	291	116
63	10	THCS Bãi Cháy	390	315	76	8	4	17	1.447	1.167	280	28	1.057	852	205	20	1.036	756	300
64	11	THCS Đại Yên	98	79	19	2	1	9	748	603	145	14	650	524	126	13	638	465	185
65	12	THCS Lý Tự Trọng	293	236	57	6	2	15	1.268	1.022	246	25	976	787	189	19	957	698	277
66	13	THCS Nguyễn Trãi	390	315	76	8		10	878	708	170	17	488	393	95	9	478	349	139
67	14	THCS Việt Hưng	98	79	19	2		9	748	603	145	14	650	524	126	13	638	465	185
68	15	THCS Trới	195	157	38	4	17	10	845	682	164	16	650	524	126	13	638	465	185
69	16	THCS Lê Lợi	-	-	-	-	-	5	418	328	90	9	418	328	90	9	409	299	119
70	17	THCS Sơn Dương	-	-	-	-		3	251	197	54	5	251	197	54	5	245	180	71
IV		TH- THCS	1.681	1.337	344	34		91	7.832	6.187	1.645	164	6.151	4.850	1.301	130	6.021	4.402	1.749
71	1	TH-THCS Tuần Châu	-	-	-	-	1	5	406	328	79	8	406	328	79	8	399	291	116
		Tiểu học	-	-	-	-		1	81	66	16	2	81	66	16	2	80	58	23
		THCS	-	-	-	-	1	4	325	262	63	6	325	262	63	6	319	233	92
72	2	TH-THCS Hùng Thắng	98	79	19	2	2	8	667	537	129	13	569	459	110	11	558	407	162
		Tiểu học	-	-	-	-		2	163	131	32	3	163	131	32	3	159	116	46
		THCS	98	79	19	2	2	6	504	406	98	10	406	328	79	8	399	291	116
73	3	TH-THCS Nguyễn Viết Xuân	195	157	38	4	1	7	602	485	117	12	406	328	79	8	399	291	116
		Tiểu học	-	-	-	-		2	163	131	32	3	163	131	32	3	159	116	46
		THCS	195	157	38	4	1	5	439	354	85	9	244	197	47	5	239	175	69
74	4	TH-THCS Bãi Cháy 2	98	79	19	2	3	8	667	537	129	13	569	459	110	11	558	407	162
		Tiểu học	-	-	-	-	1	1	81	66	16	2	81	66	16	2	80	58	23
		THCS	98	79	19	2	2	7	585	472	113	11	488	393	95	9	478	349	139
75	5	TH-THCS Minh Khai	293	236	57	6	3	10	862	695	167	17	569	459	110	11	558	407	162
		Tiểu học	98	79	19	2	3	3	260	210	50	5	163	131	32	3	159	116	46
		THCS	195	157	38	4	-	7	602	485	117	12	406	328	79	8	399	291	116

Stt		Đơn vị	Dự toán giáo tại Quyết định số 13802/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố				Tổng nhu cầu thực hiện năm 2025						Kinh phí cấp bổ sung						
			Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiêu HDLD được UBND Thành phố phê duyệt tại		Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Chi tiết theo nhu cầu kinh phí					Chi tiết theo nguồn	
							Quyết định 13730/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	Quyết định 1295/QĐ-UBND ngày 28/02/2025					Tổng số	Quỹ lương	Chi khác	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán còn được sử dụng	Ngân sách cấp Tỉnh bổ sung có mục tiêu	Ngân sách Thành phố
76	6	TH-THCS Hà Trung	293	236	57	6		5	455	367	88	9	163	131	32	3	159	116	46
		THCS	293	236	57	6		5	455	367	88	9	163	131	32	3	159	116	46
77	7	TH-THCS Vũ Oai	-	-	-	-	1	4	335	262	72	7	335	262	72	7	327	239	95
		THCS	-	-	-	-		4	335	262	72	7	335	262	72	7	327	239	95
78	8	TH-THCS Bằng Cả	100	79	22	2		6	518	406	112	11	418	328	90	9	409	299	119
		Tiểu học	-	-	-	-	2	1	84	66	18	2	84	66	18	2	82	60	24
		THCS	100	79	22	2		5	435	341	94	9	335	262	72	7	327	239	95
79	9	TH-THCS Tân Dân	-	-	-	-	2	5	430	328	102	10	430	328	102	10	420	308	122
		Tiểu học	-	-	-	-	3	1	86	66	20	2	86	66	20	2	84	62	24
		THCS	-	-	-	-	1	4	344	262	82	8	344	262	82	8	336	246	98
80	10	TH-THCS Núi Mần	201	157	43	4	2	4	368	288	80	8	167	131	36	4	164	120	48
		Tiểu học	-	-	-	-	-	1	84	66	18	2	84	66	18	2	82	60	24
		THCS	201	157	43	4		3	284	223	61	6	84	66	18	2	82	60	24
81	11	TH-THCS Thống Nhất	301	236	65	7	-	9	803	629	174	17	502	393	109	11	491	359	143
		Tiểu học	100	79	22	2		2	184	144	40	4	84	66	18	2	82	60	24
		THCS	201	157	43	4		7	619	485	134	13	418	328	90	9	409	299	119
82	12	TH-THCS Kỳ Thượng	-	-	-	-	-	4	344	262	82	8	344	262	82	8	336	246	98
		THCS	-	-	-	-	-	4	344	262	82	8	344	262	82	8	336	246	98
83	13	TH-THCS Đồng Sơn	-	-	-	-		3	258	197	61	6	258	197	61	6	252	185	73
		Tiểu học	-	-	-	-	1	1	86	66	20	2	86	66	20	2	84	62	24
		THCS	-	-	-	-	1	2	172	131	41	4	172	131	41	4	168	123	49
84	14	TH-THCS Hòa Bình	-	-	-	-	-	3	251	197	54	5	251	197	54	5	245	180	71
		THCS	-	-	-	-		3	251	197	54	5	251	197	54	5	245	180	71
85	15	TH-THCS Dân Chủ - Quảng La	-	-	-	-		4	335	262	72	7	335	262	72	7	327	239	95
		THCS	-	-	-	-		4	335	262	72	7	335	262	72	7	327	239	95
86	16	TH-THCS Đồng Lâm 1	103	79	25	2		3	275	210	65	7	172	131	41	4	168	123	49
		THCS	103	79	25	2		3	275	210	65	7	172	131	41	4	168	123	49
87	17	TH-THCS Đồng Lâm 2	-	-	-	-		3	258	197	61	6	258	197	61	6	252	185	73
		THCS	-	-	-	-		3	258	197	61	6	258	197	61	6	252	185	73